

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TƯ NGHĨA
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/DS-ST

Ngày 31/8/2021

V/v “*Tranh chấp đòi lại tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Hòa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Cao Trung.

2. Bà Lê Thị Bích Lan.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thu Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 54/2021/TLST-DS ngày 30/03/2021 về việc “*Tranh chấp đòi lại tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-DS ngày 28/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 55/2021/QĐXXST-DS ngày 18/8/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị B, sinh năm 1966, có mặt.

Địa chỉ: Tổ a, phường Q, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Bị đơn: Ông Trần Ngọc Đ, sinh năm: 1982, vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Xóm c, thôn T, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/2/2021; bản tự khai ngày 8/4/2021, 28/7/2021 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Thị B trình bày:

Bà và ông Trần Ngọc Đ quen biết nhau nên vào ngày 20/01/2015 bà có cho ông Đ mượn số tiền 225.000.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng, để ông Đ chi tiêu vào mục đích cá nhân (vợ ông Đ không biết số tiền trên). Ông Đ hứa cuối năm 2015 sẽ trả nhưng ông Đ không thực hiện như cam kết. Nhiều lần bà yêu cầu ông Đ trả nhưng ông không thực hiện, do đó bà khởi kiện yêu cầu ông Đ phải trả cho bà số tiền 225.000.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 04/5/2021, tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/6/2021, bị đơn ông Trần Ngọc Đ trình bày:

Ông có mượn bà B số tiền 225.000.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng để chi tiêu cá nhân, không có liên quan đến vợ ông. Ông đồng ý trả số nợ này nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn vì ảnh hưởng của dịch Covid nên ông đề nghị sẽ trả số nợ trên cho bà B vào tháng giêng năm 2022. Trong trường hợp nếu ông có điều kiện thì ông sẽ trả dứt điểm cho bà B số tiền nợ trên trước thời hạn năm 2022.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng từ khi thụ lý cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án và phát biểu về việc giải quyết vụ án: Việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, bị đơn không chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 262 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền 225.000.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Đại diện viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn ông Trần Ngọc Đ đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay tại xóm C, thôn T, xã N, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa có thẩm quyền thụ lý, giải quyết vụ án.

[1.2]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền đã mượn, căn cứ khoản 2 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, xác định quan hệ pháp luật của vụ án là “Tranh chấp đòi lại tài sản”.

[1.3]. Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho nguyên đơn và bị đơn. Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B: Tại giấy mượn tiền (bút lục số 33), thể hiện: “Tôi tên: Trần Ngọc Đ có mượn chị B (225.000.000) Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng”. Tại bản tự khai ngày 04/5/2021 và tại biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/6/2021, ông Đ thừa nhận có nợ bà B số tiền 225.000.000 (Hai trăm hai mươi

lăm triệu) đồng theo giấy mượn tiền là đúng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại số tiền 225.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi lăm triệu đồng), không yêu cầu trả tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 166 Bộ luật dân sự 2015. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B và buộc ông Trần Ngọc Đ trả cho bà B số tiền 225.000.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

[3]. Ý kiến đề nghị của đại diện viện kiểm sát về giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, căn cứ vào Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị đơn ông Trần Ngọc Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch là 225.000.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng $\times 5\% = 11.250.000$ (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn) đồng. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 5.625.000 đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) cho nguyên đơn bà Phạm Thị B.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 166 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị B, buộc ông Trần Ngọc Đ trả cho bà Phạm Thị B số tiền là 225.000.000 (Hai trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu trả khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc ông Trần Ngọc Đ chịu án phí dân sự sơ thẩm 11.250.000 đồng (Mười một triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

2.2. Hoàn trả lại cho bà Phạm Thị B số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 5.625.000 đồng (Năm triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số AA/2018/0005731 ngày 25/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Bà Phạm Thị B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 31/8/2021), ông Trần Ngọc Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VT;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Hòa

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Tấn Bôn

Lê Thị Ngọc Lâm

Trương Thanh Hòa